

Số: 06/2026/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Đào Thị Toan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên họp:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2026/TLST-LĐ ngày 20/4/2026 về việc Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 03/2026/QĐST-VLĐ ngày 29/4/2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Chị Trần Thị D, sinh ngày 27/7/1990, CCCD số 030190002670; Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị N, sinh ngày 30/7/1996, CCCD số 030196007182; Địa chỉ: Thôn H, xã B, thành phố Hải Phòng.

+ Công ty TNHH C; Địa chỉ trụ sở: Đường C, xã K, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông CONRAD JOSEPH CHU – Chủ tịch công ty; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Anh T – Giám đốc nhân sự.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở B; Địa chỉ: Đường Đ, xã K, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Trần Thị D trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2010 chị có cho chị Trần Thị N mượn chứng minh nhân dân (CMND) của mình (số CMND: 142483957) để xin việc làm. Sau đó, chị N sử dụng CMND của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C, địa chỉ: xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) từ khoảng tháng 4/2010, đến tháng 12/2010 thì chấm dứt hợp đồng. Sau đó lại tiếp tục ký hợp đồng lao động từ tháng 8/2011 đến 5/2012. Người làm việc tại công ty là chị N nhưng hợp đồng ghi tên là Trần Thị D. Thời gian chị N làm việc tại công ty đã được công ty Đ, số sổ bảo hiểm: 3010027837, thời gian đóng: từ tháng 4/2010 - 12/2010 thời gian đóng là 9 tháng, từ tháng 8/2011 - 5/2012 thời gian đóng là 10 tháng, tổng thời gian đóng bảo hiểm 2 đợt là 1 năm 7 tháng, bằng thông tin cá nhân và CMND mang tên Trần Thị D. Cũng trong thời gian đó chị cũng ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH G, địa chỉ ở thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương, số sổ bảo hiểm 3010041132. Như vậy, hai sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trần Thị D đã trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị N ký với Công ty TNHH C dưới danh nghĩa tên người lao động là Trần Thị D, sổ bảo hiểm xã hội số 3010027837 và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Chị Trần Thị N trình bày thống nhất với chị Trần Thị D về việc chị mượn CMND của chị D để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C, chị trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH C và được Công ty Đ theo quy định, còn cụ thể công ty đóng tiền bảo hiểm như thế nào đến nay chị không nhớ. Việc chị lấy hồ sơ tên Trần Thị D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là không đúng nên chị nhất trí với các yêu cầu của chị D. Đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động do chị ký với Công ty TNHH C dưới tên người lao động Trần Thị D và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Đối với tiền bảo hiểm nếu trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu mà Bảo hiểm xã hội thoái thu chị đề nghị trả lại toàn bộ cho Công ty TNHH C, cá nhân chị không đòi hỏi và yêu cầu gì. Do thời gian đã lâu nên đến nay chị không nhớ mình đã được nhận trợ cấp bảo hiểm hay chưa, trường hợp nếu chị đã được nhận trợ cấp, chị đồng ý trả lại cho cơ quan bảo hiểm theo quy định.

Công ty TNHH C trình bày: Về hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH C và chị Trần Thị N (được ký dưới tên người lao động là chị Trần Thị D), sinh năm 1996, số sổ bảo hiểm 3010027837 từ tháng 4/2010 - 12/2010 và từ tháng 8/2011 - 5/2012. Theo quy định Công ty chỉ lưu giữ hợp đồng lao động và các tài liệu liên quan đến ký kết thực hiện hợp đồng lao động với người lao động trong thời hạn 5 năm, các hợp đồng quá thời hạn công ty sẽ tiêu hủy. Do đó hiện nay công ty không lưu trữ được Hợp đồng lao động để có thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên căn cứ theo tài liệu mà người yêu cầu cung cấp cho Tòa án gồm: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, bản sao sổ bảo hiểm xác định có việc ký kết hợp đồng lao động ghi tên người lao động là Trần Thị D còn các nội dung khác do không còn hồ sơ lưu giữ nên công ty không xác định và cung cấp cho Tòa án được. Đối với số tiền bảo hiểm công ty đã đóng cho người lao động, công ty tự nguyện không yêu cầu cơ quan bảo hiểm phải thoái thu để trả lại cho công ty. Do đặc thù công việc nên đại diện công ty đề nghị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên họp.

Bảo hiểm xã hội cơ sở B trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, đối với người lao động tên Trần Thị D, sinh ngày 27/07/1990, mã số bảo hiểm là 3010027837 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH C từ tháng 04/2010 đến 12/2010 và từ 8/2011 đến 5/2012 và chưa được hưởng chế độ BHXH, BH thất nghiệp. Về yêu cầu đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật hiện hành giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng lao động vô hiệu, yêu cầu thoái trả tiền đã thu bảo hiểm xã hội, số tiền thoái trả là 6.838.770đ. Do khối lượng công việc lớn nên không thể tham gia tố tụng tại phiên họp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở B.

Tại phiên họp:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên họp chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX: Áp dụng 370, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH C với chị Trần Thị N ghi tên người lao động Trần Thị D, số sổ bảo hiểm 3010027837 vô hiệu toàn bộ. Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH C không yêu cầu thoái trả số tiền đã thu bảo hiểm xã hội. Về lệ phí: Buộc chị D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng và pháp luật áp dụng:

[1.1] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH C có trụ sở tại Đường C, xã K, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

[1.3] Hợp đồng lao động được xác lập và thực hiện tháng 4/2010 – 12/2010 và từ 8/2011 - 5/2012, nay phát sinh tranh chấp nên Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007 và Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị N ký với Công ty TNHH C dưới danh nghĩa tên người lao động là Trần Thị D, số sổ bảo hiểm 3010027837. Quá trình giải quyết người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ trình bày của người yêu cầu, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sổ bảo hiểm xã hội số 3010027837. Có đủ cơ sở xác định giữa Công ty TNHH C và người lao động ghi tên Trần Thị D đã ký kết, thực hiện các hợp đồng lao động từ tháng 04/2010 -12/2010 và từ 8/2011 – 5/2012, số sổ bảo hiểm 3010027837. Lời khai của chị D, chị N xác định chị N sử dụng hồ sơ tư pháp của chị D để ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH C. Đây là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng và vi phạm quy định của Bộ luật Lao động. Chị N sử

dụng hồ sơ tư pháp của chị D làm cho Công ty TNHH C hiểu sai lệch về chủ thể để xác lập hợp đồng lao động là hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì các hợp đồng lao động đứng tên chị Trần Thị D (do chị Trần Thị N ký) với Công ty TNHH C vô hiệu toàn bộ. Vì vậy yêu cầu của chị D là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động nhưng thực tế chị N có làm việc tại Công ty TNHH C và được Công ty đóng bảo hiểm từ tháng 04/2010 - 12/2010 và từ 8/2011 - 5/2012, theo sổ bảo hiểm số 3010027837. Bảo hiểm xã hội cơ sở B xác định người lao động mang tên Trần Thị D, sổ bảo hiểm số 3010027837 chưa được thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Đối với số tiền bảo hiểm thoái thu trả, theo Bảo hiểm xã hội cơ sở B xác định là 6.838.770đồng. Chị D, chị N không yêu cầu và đề nghị hoàn trả cho Công ty TNHH C. Công ty TNHH C tự nguyện không yêu cầu Bảo hiểm xã hội phải thoái trả số tiền bảo hiểm xã hội đã đóng. Xét việc không yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Toà án chấp nhận

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D

1. Tuyên bố các Hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị N ký với Công ty TNHH C dưới danh nghĩa tên người lao động là Trần Thị D, sổ sổ bảo hiểm: 3010027837 vô hiệu toàn bộ.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH C không yêu cầu Bảo hiểm xã hội thoái trả số tiền bảo hiểm đã đóng cho người lao động ghi tên Trần Thị D1, sổ sổ bảo hiểm: 3010027837.

3. Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu:

BLTU/26E số 0004580 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- THA DS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy